

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẠC LIÊU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 04/2024/HNGĐ-PT

Ngày 28 - 02 - 2024

V/v tranh chấp về chia tài sản sau khi ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẠC LIÊU

- **Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Châu Minh Nguyệt

Các Thẩm phán: Ông Bùi Anh A

Ông Trần Minh Tân

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Trần Thị Yến - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa:** Bà Trần Hồng Thắm - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 02 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 05/2024/TLPT-HNGĐ ngày 24 tháng 01 năm 2024 về việc tranh chấp về chia tài sản sau khi ly hôn.

Do Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 178/2023/HNGĐ-ST ngày 26 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện O, tỉnh Bạc Liêu bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 09/2024/QĐ-PT ngày 07 tháng 02 năm 2024, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Anh A, sinh năm 1997; Địa chỉ: Ấp M, xã N, huyện O, tỉnh Bạc Liêu (Có mặt)

- **Bị đơn:** Chị B, sinh năm 1997; Địa chỉ: Ấp P, xã Q, huyện O, tỉnh Bạc Liêu (Có mặt)

- **Người kháng cáo:** Nguyên đơn anh A.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 22/5/2023, lời khai trong quá trình tố tụng, anh A trình bày:

Anh và chị B đã thống nhất ly hôn vào ngày 22/7/2022 theo Quyết định công nhận thuận tình ly hôn số 195/2022/QĐST-HNGĐ. Trước khi ly hôn, ngày 31/5/2022 vợ chồng anh có làm biên bản thỏa thuận chia tài sản chung của vợ chồng có gia đình hai bên và trưởng ấp, công an ấp chứng kiến, trong đó nêu tài sản gồm có 10 chỉ vàng 24k và số tiền 94.000.000 đồng, anh có trách nhiệm

giao cho chị B 05 chỉ vàng 24k và 47.000.000 đồng, lúc đó gia đình anh có đám tang nên anh thỏa thuận cho xong nên cũng không có tâm trạng gì cả. Nay anh xác định tài sản chung của vợ chồng gồm có 29,8 chỉ vàng 24k và 03 chỉ vàng 18k, số vàng này gia đình anh và dòng họ của anh cho vợ chồng anh trong ngày cưới. Gia đình chị B cũng có cho vàng nhưng không biết bao nhiêu và anh cũng không yêu cầu.

Trong quá trình chung sống, vợ chồng có xây dựng tiệm tạp hóa, chị B đã bán hết 08 chỉ vàng 24k, anh có lấy 10 chỉ vàng 24k bán để nuôi cá kèo, lúc anh bán vàng chị B cũng không biết. Số vàng còn lại là 11, 8 chỉ vàng 24k và 03 chỉ vàng 18k chị B đang quản lý. Ngoài nguồn tiền bán tạp hóa, anh có đi làm thêm bên ngoài. Anh đồng ý giao lại cho chị B số tiền là 47.000.000 đồng, còn 10 chỉ vàng 24k thì anh không đồng ý chia vì anh nuôi cá bị thua lỗ nên không thu hồi vốn được, ngoài ra, anh có đi giám định ADN xác định con chung của vợ chồng không cùng huyết thống với anh nên anh không đồng ý giao 05 chỉ vàng 24k cho chị B. Anh yêu cầu chị B phải chia lại số vàng đang giữ là 11, 8 chỉ vàng 24k và 03 chỉ vàng 18k mỗi người $\frac{1}{2}$.

- Theo chị B trình bày: Chị và anh A đã ly hôn theo Quyết định số 195/2022/QĐST-HNGĐ ngày 22/7/2022. Trước khi ly hôn, hai bên gia đình đã thỏa thuận phân chia tài sản chung của vợ chồng, anh A có trách nhiệm giao cho chị B 47.000.000 đồng và 05 chỉ vàng 24k.

Chị xác định trong ngày cưới, cha mẹ chồng có cho vàng vợ chồng trình hai bên là 9,5 chỉ vàng 24k, bà ngoại chồng cho 04 chỉ vàng 24k, lúc xuống mỗi mẹ chồng cho 02 chỉ vàng 24k, cô dì chú bác bên chồng có cho vàng 18k và vàng 24k nhưng không biết trọng lượng bao nhiêu cả nhưng khoảng 10 chỉ vàng 24k, anh A xác định là 29, 8 chỉ vàng 24k và 03 chỉ vàng 18k chị không thống nhất, chỉ thống nhất gia đình anh A cho là 25,5 chỉ vàng 24k và 03 chỉ vàng 18k, gia đình chị cũng có cho vàng riêng chị nhưng chị không nhớ bao nhiêu.

Trong quá trình chung sống anh chị có bán vàng để mở tiệm tạp hóa cụ thể mua tôl, mua 02 cái tủ lạnh, mua hàng hóa về bán, chị có bán vàng nhiều lần khoảng 30 chỉ vàng 24k và 03 chỉ vàng 18k gồm vàng của gia đình bên chồng và gia đình bên chị, khi bán vàng chị đều cho anh A hay, nay chỉ còn 10 chỉ vàng 24k chị đưa cho mẹ chồng là bà C giữ, sau này mẹ chồng nói đưa cho anh A bán nuôi cá kèo thì chị hoàn toàn không biết, chị xác định vợ chồng chị không có nuôi cá kèo, vợ chồng chị chung sống có mở tiệm tạp hóa, nguồn tiền chi xài là từ bán hàng tạp hóa mà có. Theo anh A xác định chỉ bán 08 chỉ vàng 24k để mở tạp hóa là không phù hợp, vì mở tiệm tạp hóa cần rất nhiều vốn. Anh A có đi làm thêm nhưng tiền lương anh A không có giao cho chị số tiền nào cả, vì vậy vợ chồng không sống với nhau được dẫn đến ly hôn.

Chị xác định chị và anh A có thỏa thuận phân chia tài sản của vợ chồng, cụ thể tài sản là 10 chỉ vàng 24k trước đây chị đưa cho mẹ chồng là bà C giữ và 94.000.000 đồng là những hàng hóa trong tiệm tạp hóa, chị giao lại cho anh A và anh A giao lại cho chị 05 chỉ vàng 24k và 47.000.000 đồng. Lúc đó anh A không đặt ra tài sản gì khác cũng không nói gì đến việc nuôi cá kèo thua lỗ. Khi

ly hôn chị không có lấy bất cứ tài sản gì bên gia đình nhà chồng. Nay anh A xác định chị giữ số vàng 11,8 chỉ vàng 24k là hoàn toàn không có, chị không đồng ý chia theo yêu cầu của anh A. Chị yêu cầu anh A phải giao lại cho chị 05 chỉ vàng 24k và 47.000.000 đồng như văn bản đã thỏa thuận có sự chứng kiến của hai bên gia đình và địa phương.

Nay anh A khởi kiện yêu cầu chị trả 11, 8 chỉ vàng 24k và 03 chỉ vàng 18k chị không đồng ý.

Từ nội dung trên, tại Bản án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 178/2023/HNGĐ-ST ngày 26 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện O, tỉnh Bạc Liêu đã quyết định:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh A đối với chị B yêu cầu chia 11, 8 chỉ vàng 24k và 03 chỉ vàng 18k.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị B đối với anh A yêu cầu chia 10 chỉ vàng 24k và 94.000.000 đồng.

Chia cho chị B 05 chỉ vàng 24k và 47.000.000 đồng. Buộc anh A có trách nhiệm giao số vàng và tiền trên cho chị B.

Chia cho anh A 05 chỉ vàng 24k và 47.000.000 đồng. Số vàng và tiền trên hiện anh A đang quản lý được giữ nguyên.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về lãi suất giai đoạn thi hành án, án phí, quyền yêu cầu thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định pháp luật.

- Ngày 11/10/2023, nguyên đơn anh A kháng cáo toàn bộ án sơ thẩm, yêu cầu xem xét thẩm định tài sản còn lại của anh và chị B là căn nhà và công sức đóng góp của hai bên; Xem xét số nợ vợ chồng còn thiếu trong quá trình mua thức ăn của đại lý; Không buộc anh trả lại cho chị B 05 chỉ vàng 24k và 47.000.000 đồng.

Tại phiên tòa phúc thẩm, anh A vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Quan điểm Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu tại phiên tòa:

- *Về việc chấp hành pháp luật tố tụng:* Từ khi thụ lý đến khi xét xử phúc thẩm, Thẩm phán và Hội đồng xét xử phúc thẩm đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, các đương sự cũng đã chấp hành đúng các quy định.

- *Về quan điểm giải quyết vụ án:* Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp kháng cáo của nguyên đơn anh A; Áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, giữ nguyên Bản án hôn nhân và gia đình số 178/2023/HNGĐ-ST ngày 26 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện O, tỉnh Bạc Liêu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa phúc thẩm; sau khi nghị án. Hội đồng xét xử nhận định:

[2] *Về quan hệ pháp luật tranh chấp*: Nguyên đơn anh A khởi kiện yêu cầu chia tài sản sau khi ly hôn với chị B, cấp sơ thẩm xác định quan hệ tranh chấp về chia tài sản sau khi ly hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự là có căn cứ. Bị đơn chị B cư trú tại huyện O, tỉnh Bạc Liêu, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện O theo quy định tại khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Xét đơn kháng cáo của nguyên đơn anh A nộp trong hạn luật định và nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đúng theo quy định tại Điều 273 và Điều 276 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu thụ lý và giải quyết vụ án theo trình tự phúc thẩm là phù hợp.

[3] *Về nội dung*: Xét kháng cáo của nguyên đơn anh A kháng cáo toàn bộ án sơ thẩm: Xét thấy, suốt quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm và tại cấp phúc thẩm, anh A và chị B thống nhất xác định có văn bản thỏa thuận ngày 31/5/2022, văn bản có sự chứng kiến của anh A, chị B, hai bên gia đình, trưởng ấp và công an viên trước khi anh A và chị B ly hôn. Nội dung văn bản thỏa thuận thể hiện chị B và anh A cùng thống nhất thỏa thuận tài sản chung gồm 10 chỉ vàng 24k và số tiền 94.000.000 đồng, anh A và chị B chia đôi số tài sản trên, anh A có nghĩa vụ giao lại cho chị B 05 chỉ vàng 24k và 47.000.000 đồng. Căn cứ khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự, các tình tiết nêu trên là tình tiết, sự kiện không phải chứng minh trong vụ án.

[4] Xét thấy, anh A và chị B thống nhất thừa nhận tài sản chung của vợ chồng tính đến ngày 31/5/2022 gồm có 10 chỉ vàng 24k và số tiền 94.000.000 đồng. Tuy nhiên, anh A cho rằng anh đang quản lý số tiền 94.000.000 đồng, còn số vàng 10 chỉ vàng 24k anh đã bán năm 2021 để nuôi cá kèo và bị thua lỗ nên không còn trên thực tế và không đồng ý chia cho chị B. Hội đồng xét xử xét thấy, anh A thừa nhận có số vàng 10 chỉ 24k, chị B có đưa cho mẹ anh là bà C quản lý nhưng anh đã nhận lại số vàng này từ mẹ anh để bán và đầu tư nuôi cá kèo hết, do thua lỗ nên không thu hồi được vốn. Như vậy, thời điểm ngày 31/5/2022 việc thỏa thuận phân chia tài sản chung có sự chứng kiến của Trưởng ấp, Công an và hai bên dòng họ của nhà anh A và nhà chị B, anh A và gia đình anh A hoàn toàn không đặt vấn đề đầu tư nuôi cá kèo thua lỗ như anh A trình bày. Chị B không thừa nhận có sự việc đầu tư nuôi cá kèo bằng số vàng 10 chỉ 24k tài sản chung vợ chồng. Anh A không cung cấp được chứng cứ chứng minh cho ý kiến của anh. Do đó, cấp sơ thẩm xác định số vàng 10 chỉ 24k là tài sản chung của vợ chồng và buộc anh A giao trả 05 chỉ vàng 24k cho chị B là có căn cứ, có xem xét, đánh giá chứng cứ đầy đủ, khách quan, toàn diện. Tại cấp phúc thẩm, anh A kháng cáo nhưng không cung cấp thêm chứng cứ chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của anh. Do đó, không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của anh A yêu cầu không buộc anh trả lại cho chị B 05 chỉ vàng 24k và 47.000.000 đồng.

[5] Đối với các nội dung kháng cáo của anh A cho rằng cần xem xét giá trị còn lại của căn nhà có được trong thời gian sống chung, xem xét số tiền vợ chồng còn thiếu trong quá trình nuôi cá kèo mua thức ăn của đại lý: Do tại cấp sơ thẩm chị B yêu cầu chia tài sản chung là 10 chỉ vàng 24k và số tiền 94.000.000 đồng; Anh A yêu cầu chia 11, 8 chỉ vàng 24k và 03 chỉ vàng 18k. Anh A và chị B đều không đặt ra yêu cầu chia tài sản chung nào khác, đối với các khoản nợ chung, anh A và chị B cũng không đặt ra yêu cầu. Mặt khác, việc anh A cho rằng nuôi cá kèo thua lỗ không được chị B thừa nhận, anh A không chứng minh được nên tại cấp sơ thẩm không chấp nhận việc có nợ chung là có căn cứ. Ngoài ra, tại phiên tòa phúc thẩm, anh A thừa nhận anh chị đã bán vàng được cha mẹ anh tặng cho ngày cưới để xây dựng nhà và mua hàng hóa phục vụ kinh doanh, thừa nhận trước khi ly hôn đã thống nhất với chị B về số tài sản chung theo văn bản thỏa thuận ngày 31/5/2022 giá trị nhà và hàng hóa có giá trị là 94.000.000 đồng, từ ngày lập văn bản đến nay anh A là người trực tiếp quản lý, sử dụng nhà và hàng hóa nêu trên. Do đó, không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của anh A xem lại giá trị tài sản và buộc chị B trả nợ tiền mua thức ăn nuôi cá kèo.

[6] Xét ý kiến của đại diện Viện kiểm sát đề nghị không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện O, như đã nhận định trên, có căn cứ chấp nhận toàn bộ đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu.

[7] Án phí phúc thẩm: Do anh A kháng cáo và không được cấp phúc thẩm chấp nhận kháng cáo, giữ nguyên án sơ thẩm nên anh A phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định pháp luật. Anh A đã nộp tạm ứng án phí phúc thẩm được chuyển thu án phí phúc thẩm toàn bộ.

[8] Các phần quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị được giữ nguyên.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự: Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn anh A; Giữ nguyên Bản án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 178/2023/HNGĐ-ST ngày 26 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện O, tỉnh Bạc Liêu.

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 59 của Luật Hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ Điều 27, khoản 2 Điều 29 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh A đối với chị B yêu cầu chia 11, 8 chỉ vàng 24k và 03 chỉ vàng 18k.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị B đối với anh A yêu cầu chia 10 chỉ vàng 24k và 94.000.000đ.

2.1. Chia cho chị B 05 chỉ vàng 24k và 47.000.000đ. Buộc anh A có trách nhiệm giao 05 chỉ vàng 24k và 47.000.000đ (Bốn mươi bảy triệu đồng) cho chị B.

2.2. Chia cho anh A 05 chỉ vàng 24k và 47.000.000đ. Số vàng và tiền trên hiện anh A đang quản lý được giữ nguyên.

3. Về án phí:

3.1. Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch:

Chị B phải chịu 3.766.000đ (Ba triệu bảy trăm sáu mươi sáu nghìn đồng), chị B đã nộp tạm ứng án phí 1.850.000đ (Một triệu tám trăm năm mươi nghìn đồng) theo biên lai thu số 0009777 ngày 23/12/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện O được đối trừ, chị B phải nộp thêm 1.916.000đ (Một triệu chín trăm mười sáu nghìn đồng).

Anh A phải chịu án phí 3.766.000đ (Ba triệu bảy trăm sáu mươi sáu nghìn đồng), anh A đã nộp tạm ứng án phí 983.500đ (Chín trăm tám mươi ba nghìn năm trăm đồng) theo biên lai thu số 0000279 ngày 12/6/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện O được đối trừ, anh A phải nộp thêm 2.782.500đ (Hai triệu bảy trăm tám mươi hai nghìn năm trăm đồng).

Các đương sự nộp tiền tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện O.

3.2. Án phí phúc thẩm: Anh A phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng). Anh A đã nộp tạm ứng án phí phúc thẩm 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tại Biên lai thu số 0009587 ngày 11/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện O, tỉnh Bạc Liêu được chuyển thu án phí toàn bộ 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng).

4. Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TANDCC tại TP. Hồ Chí Minh (01 bản);

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký tên và đóng dấu

- VKSND tỉnh Bạc Liêu (01 bản);
- TAND huyện O (01 bản);
- CCTHADS huyện O (01 bản);
- Các đương sự;
- Lưu HS, Tổ HCTP (02 bản).

Châu Minh Nguyệt